



Everpia JSC

Head office and factory:

Dương Xá, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 29082025-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Ha Noi, 29th August 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae

Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

Authorized person on Information

Loại thông tin công bố : ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu
Information disclosure type: ☒ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure*:

Báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất soát xét giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

The reviewed interim Separated and Consolidated financial statements for the six-month period ended 30 June 2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2025 tại đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cai-tai-chinh.aspx>

This information was disclosed on Company on 29/08/2025, available at: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-tin-tai-chinh/bao-cai-tai-chinh.aspx>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Party authorized to disclose information

**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
EVER
PIA**

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
EVERPIA
DN: C=VN, S=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN EVERPIA,
OID.0.9.2342.1920030
0.100.1.1=MST:
0101402121
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2025-08-29 09:
25:50
Foxit Reader Version:
9.3.0



YU SUNG DAE

"V/v giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm năm 2025 so với năm trước"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam
Based on the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for the six months period ended 30.06.2025 audited by Ernst and Young Vietnam Co., Ltd.

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình số liệu Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 về nội dung:

Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước

Everpia Joint Stock Company would like to explain the data of the Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements for the six months period ended 30.06.2025 regarding the following contents:

Explaining the profit after corporate income tax in the business performance report changing by 10% or more compared to the same period last year

1. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ In Separate Financial Statements

6 tháng	FY 2025	FY 2024	Diff	Ratio
Doanh thu thuần về Bán hàng/ Net revenue from goods sold	332,050,745,284	336,509,860,820	(4,459,115,536)	-1%
Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold	218,762,576,616	228,997,644,214	(10,235,067,598)	-5%
Lợi nhuận gộp về bán hàng/ Gross profit from goods sold	113,288,168,668	107,512,216,606	5,775,952,062	5%
Doanh thu tài chính /Financial income	9,543,934,437	10,913,253,206	(1,369,318,769)	-14%
Chi phí tài chính /Financial expenses	7,014,144,336	7,475,173,020	(461,028,684)	-7%
Chi phí bán hàng/ Selling expenses	65,762,098,116	78,831,770,150	(13,069,672,034)	-20%
Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	39,405,991,746	44,986,842,839	(5,580,851,093)	-14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	10,649,868,907	(12,868,316,197)	23,518,185,104	221%
Doanh thu khác/ Other income	2,115,680,999	1,204,681,659	910,999,340	43%
Chi phí khác/ Other expenses	186,632,578	377,572,637	(190,940,059)	-102%
Lợi nhuận khác/Other profit	1,929,048,421	827,109,022	1,101,939,399	57%
Tổng lợi nhuận trước thuế / Accounting profit before tax	12,578,917,328	(12,041,207,175)	24,620,124,503	196%
Chi phí thuế hiện hành/Current corporate income tax expense			-	
Chi phí thuế hoãn lại /Deferred tax expense	1,098,156,652	77,103,599	1,021,053,053	93%
Lợi nhuận sau thuế TNDN /Net profit/(Loss) after corporate income tax	11,480,760,676	(11,964,103,576)	23,444,864,252	204%

Doanh số 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 có chút giảm, độ giảm là 1% tương đương 4.5 tỷ đồng. Tuy nhiên việc giảm này đến từ việc công ty chấm dứt sản xuất kinh doanh mặt hàng khăn lau vào quý 4 năm 2024. 6 tháng năm 2024, doanh số ngành hàng này là 22 tỷ đồng. Do vậy nếu loại trừ doanh số ngành hàng này thì doanh thu công ty tăng 18 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Đóng góp tích cực nhất trong tăng trưởng doanh thu đến từ ngành hàng Bông tăm, với sự bùng nổ mạnh mẽ từ cả hai nhóm khách hàng: truyền thống và mới. Nhiều khách hàng truyền thống đã gia tăng đáng kể tỷ

trọng đơn hàng dành cho Everpia, phản ánh độ tin tưởng cao đối với năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của công ty. Đồng thời, nhóm khách hàng mới - vốn được tiếp cận và kiên trì xây dựng quan hệ từ các năm trước nay bắt đầu mang lại kết quả tích cực. Dữ liệu đơn hàng đặt trước cho các quý tiếp theo cũng cho thấy xu hướng tăng trưởng rõ nét so với cùng kỳ năm 2024, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững của ngành hàng này trong nửa cuối năm. Doanh số ngành hàng này đạt 126% so với cùng kỳ năm trước. Đối với ngành hàng Chăn ga gối đệm, do chưa bước vào mùa vụ chính nên doanh thu duy trì ổn định tại các kênh bán hiện hữu. Một điểm sáng là hoạt động xuất khẩu chăn ga từ chi nhánh Đồng Nai bắt đầu ghi nhận doanh thu, không chỉ giúp cải thiện kết quả kinh doanh khu vực phía Nam mà còn góp phần tối ưu hóa chi phí sản xuất thông qua việc chia sẻ chi phí khấu hao nhà máy Giang Điền với các đơn vị kinh doanh hiện tại. Doanh số ngành hàng chăn ga đạt 104% so với cùng kỳ.

Công ty cũng đã kiểm soát hiệu quả chi phí bán hàng thông qua quá trình tái cấu trúc hệ thống showroom, bao gồm việc đóng cửa các điểm bán hoạt động kém hiệu quả và cắt giảm một số khoản mục chi phí bán hàng không cần thiết. Những chính sách kinh doanh hợp lý, những thay đổi trong sử dụng chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đã giúp cho Công ty đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. So với mức lỗ 11.9 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái, kết quả này cho thấy sự đảo chiều mạnh mẽ, với mức cải thiện tuyệt đối lên tới 23,4 tỷ đồng, tương đương 204%. Đây cũng là những bước khởi đầu vô cùng thuận lợi để Công ty bước vào mùa vụ kinh doanh chăn ga vào 6 tháng cuối năm để đạt được những mục tiêu về Doanh số và Lợi nhuận mà Ban Giám Đốc đã đề ra hồi đầu năm.

Revenue for the first six months of 2025 decreased slightly compared to the same period in 2024, with a decrease of 1%, equivalent to 4.5 billion dong. However, this decrease was due to the company ceasing production and sales of cleaner in the fourth quarter of 2024. In the first six months of 2024, sales of this product line were VND 22 billion. Therefore, excluding sales of cleaner, the company's revenue increased by VND 18 billion compared to the same period last year. The most significant contribution to revenue growth came from the padding, with strong growth from both traditional and new customer groups. Many traditional customers have significantly increased their order share for Everpia, reflecting high confidence in the company's production capacity and product quality. At the same time, the new customer group – which has been approached and persistently cultivated over the past years – is now beginning to yield positive results. Pre-order data for the coming quarters also shows a clear growth trend compared to the same period in 2024, laying the foundation for sustainable growth in this product line in the second half of the year. Sales for this product line reached 126% compared to the same period last year. For the bedding industry, as the peak season has not yet begun, revenue remains stable across existing sales channels. A bright spot is that bedding exports from the Dong Nai branch have begun to generate revenue, not only improving business results in the southern region but also helping to optimise production costs by sharing the depreciation costs of the Giang Dien factory with current business units. Bedding sales reached 104% compared to the same period last year.

The company has also effectively controlled selling expenses through the restructuring of its showroom system, including closing underperforming sales showroom and cutting back on certain unnecessary selling expense items. Reasonable business policies, coupled with changes in sales cost utilisation and business management, have helped the Company achieve very encouraging results. Compared to a loss of VND 11.9 billion in the same period last year, this result shows a strong turnaround, with an absolute improvement of up to VND 23.4 billion, equivalent to 204%. These are also extremely favourable first steps for the Company as it enters the bedding business season in the last six months of the year to achieve the sales and profit targets set by the Board of Directors at the beginning of the year.

Tại báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất/ In Consolidated Financial Statements

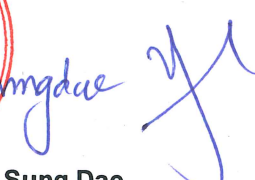
Period: 6 months	FY 2025	FY 2024	Diff	Ratio
Doanh thu thuần về Bán hàng/ Net revenue from goods sold	332,050,745,284	336,509,860,820	(4,459,115,536)	-1%
Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold	211,199,788,135	221,648,319,592	(10,448,531,457)	-5%
Lợi nhuận gộp về bán hàng/ Gross profit from goods sold	120,850,957,149	114,861,541,228	5,989,415,921	5%
Doanh thu tài chính /Financial income	13,638,388,145	15,176,886,128	(1,538,497,983)	-11%
Chi phí tài chính /Financial expenses	9,431,967,903	8,339,469,931	1,092,497,972	12%
Chi phí bán hàng/ Selling expenses	70,020,596,205	80,869,234,753	(10,848,638,548)	-15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp /General and administration expenses	43,043,102,368	48,974,894,017	(5,931,791,649)	-14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh /Operating profit /(Loss)	11,993,678,818	(8,145,171,345)	20,138,850,163	168%
Doanh thu khác/ Other income	2,115,680,999	1,204,681,659	910,999,340	43%
Chi phí khác/ Other expenses	186,632,578	377,572,637	(190,940,059)	-102%
Lợi nhuận khác/Other profit	1,929,048,421	827,109,022	1,101,939,399	57%
Tổng lợi nhuận trước thuế / Accounting profit before tax	13,922,727,239	(7,318,062,323)	21,240,789,562	153%
Chi phí thuế hiện hành/Current corporate income tax expense			-	
Chi phí thuế hoãn lại /Deferred tax expense	977,238,259	(308,312,090)	1,285,550,349	132%
Lợi nhuận sau thuế TNDN /Net profit/(Loss) after corporate income tax	12,945,488,980	(7,626,374,413)	20,571,863,393	159%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát/Non controlling	598,097,118	636,874,191	(38,777,073)	-6%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông mẹ/Controlling	12,347,391,862	(8,263,248,604)	20,610,640,466	167%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu /	294	(197)	491	167%
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	294	(197)	491	167%

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ: theo nội dung giải trình phía trên/ Business performance of the parent company: according to the above explanation
- Hoạt động của công ty con tại Hàn Quốc đạt lợi nhuận ở mức 0%, cùng với đó lợi nhuận của quỹ mở MAOF đạt 2.3 tỷ. / The operation of the subsidiary in Korea achieved a profit of 0%, along with the profit of the fund MAOF reaching 2.3 billion.

Kết quả hợp nhất của Công ty là lợi nhuận là 12.3 tỷ, tăng 20.6 tỷ so với cùng kỳ năm trước / The consolidated result of the Company is a profit of 12.3 billion, increase 20.6 billion compared to 2024
Trên đây là giải trình của Công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp giữa niên độ năm 2025./The above is the Company's explanation on some contents related to the separate financial statements and the consolidated financial statements for the six months period ended 30.06 2025.

Trân trọng kính chào!

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025
Phó Tổng giám đốc


Yu Sung Dae

Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 47

Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ) và xuất khẩu sản phẩm bông và chăn ga gối đệm và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đặt tại cụm dân cư Nội Thương, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch
Ông Lee Jae Eun	Thành viên
Ông Yu Sung Dae	Thành viên
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên độc lập
Ông Yi Seung Mok	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hướng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Everpia

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11453398/68669842-LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		724.197.976.949	740.856.476.417
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	31.690.212.335	19.500.426.548
111	1. Tiền		31.356.493.810	18.905.252.130
112	2. Các khoản tương đương tiền		333.718.525	595.174.418
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		283.554.769.607	299.099.369.509
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	283.554.769.607	299.099.369.509
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		134.848.294.397	154.559.767.472
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	137.119.153.078	155.003.878.405
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	6.349.346.619	8.630.730.843
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.466.783.073	20.603.115.713
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(29.086.988.373)	(29.677.957.489)
140	IV. Hàng tồn kho	9	261.198.219.924	253.459.104.730
141	1. Hàng tồn kho		309.909.355.653	307.370.576.767
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(48.711.135.729)	(53.911.472.037)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.906.480.686	14.237.808.158
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.713.075.621	3.164.429.740
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.193.405.065	11.073.378.418

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		537.103.326.025	543.331.520.296
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.383.909.739	2.863.666.309
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.383.909.739	2.863.666.309
220	II. Tài sản cố định		312.044.960.636	315.335.836.967
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	310.727.430.963	313.979.656.197
222	Nguyên giá		766.665.933.996	768.295.145.114
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(455.938.503.033)	(454.315.488.917)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	1.317.529.673	1.356.180.770
228	Nguyên giá		42.411.835.001	42.337.241.798
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.094.305.328)	(40.981.061.028)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.002.977.021	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.002.977.021	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	65.672.033.934	64.626.454.734
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		11.590.390.000	11.590.390.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.533.200.000	9.966.200.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(12.550.390.000)	(12.550.390.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		56.098.833.934	55.620.254.734
260	V. Tài sản dài hạn khác		152.999.444.695	160.505.562.286
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	131.667.234.829	138.196.114.161
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	26.3	21.332.209.866	22.309.448.125
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.261.301.302.974	1.284.187.996.713

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		321.931.593.242	335.689.501.995
310	I. Nợ ngắn hạn		217.538.754.054	232.635.718.734
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	34.348.017.719	42.703.524.145
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	13.126.406.173	16.898.909.483
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.005.369.404	2.813.430.211
314	4. Phải trả người lao động		19.865.143.188	21.735.914.151
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.381.151.529	1.921.422.779
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.289.780.220	1.997.167.120
320	7. Vay ngắn hạn	17	145.522.885.821	144.565.350.845
330	II. Nợ dài hạn		104.392.839.188	103.053.783.261
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	23.575.356.961	22.236.301.034
338	2. Vay dài hạn	17	80.817.482.227	80.817.482.227
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		939.369.709.732	948.498.494.718
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	939.369.709.732	948.498.494.718
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		184.195.877.847	184.195.877.847
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.831.128.426)	(3.728.916.371)
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.590.438.608	4.593.921.095
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		322.855.524.320	331.476.711.882
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		310.508.132.458	361.662.776.799
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/(lỗ năm trước)		12.347.391.862	(30.186.064.917)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.761.267.383	12.163.170.265
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.261.301.302.974	1.284.187.996.713

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Người lập biểu
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	332.949.738.728	337.077.719.015
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(898.993.444)	(567.858.195)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	332.050.745.284	336.509.860.820
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(211.199.788.135)	(221.648.319.592)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		120.850.957.149	114.861.541.228
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	13.638.388.145	15.176.886.128
22	7. Chi phí tài chính	22	(9.431.967.903)	(8.339.469.931)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.120.863.276)	(6.016.824.039)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(70.020.596.205)	(80.869.234.753)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(43.043.102.368)	(48.974.894.017)
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.993.678.818	(8.145.171.345)
31	11. Thu nhập khác	25	2.115.680.999	1.204.681.659
32	12. Chi phí khác		(186.632.578)	(377.572.637)
40	13. Lợi nhuận khác		1.929.048.421	827.109.022
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		13.922.727.239	(7.318.062.323)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(977.238.259)	(308.312.090)

NI
TN
T
3
4C

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

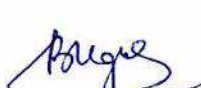
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
60	17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		12.945.488.980	(7.626.374.413)
61	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ		12.347.391.862	(8.263.248.604)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		598.097.118	636.874.191
70	20. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	29	294	(197)
71	21. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	29	294	(197)

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Người lập biểu
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		13.922.727.239	(7.318.062.323)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		15.084.617.324	17.693.754.592
03	và hao mòn tài sản cố định vô hình		(5.791.305.424)	(1.428.919.803)
04	Các khoản hoàn nhập dự phòng			
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do			
	đánh giá lại các khoản mục tiền tệ		(1.026.166.814)	(847.266.365)
05	có gốc ngoại tệ		(14.189.499.150)	(12.156.159.221)
06	Lãi từ hoạt động đầu tư	22	6.120.863.276	6.016.824.039
	Chi phí lãi vay			
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.121.236.451	1.960.170.919
09	Giảm các khoản phải thu		19.674.030.038	25.355.177.474
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(2.538.778.886)	13.148.707.209
11	Giảm các khoản phải trả		(14.852.790.223)	(15.585.266.538)
12	Giảm chi phí trả trước		6.980.233.451	3.408.457.253
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.154.138.121)	(6.140.748.938)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.530.278.435)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.003.482.487)	(1.062.221.072)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.226.310.223	17.553.997.872
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(13.515.128.321)	(1.111.355.540)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.186.175.331	1.265.089.898
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(235.590.888.894)	(149.939.025.647)
24	Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn		251.311.988.894	134.009.556.626
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và đầu tư ngắn hạn		12.934.242.786	14.522.632.407
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		17.326.389.796	(1.253.102.256)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		145.008.198.317	159.363.311.900
34	Tiền trả nợ gốc vay		(145.070.663.341)	(155.855.780.272)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(20.968.579.424)	(20.953.065.928)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(21.031.044.448)	(17.445.534.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		10.521.655.571	(1.144.638.684)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.500.426.548	40.858.611.052
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.668.130.216	1.068.190.204
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	31.690.212.335	40.782.162.572

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2025



Người lập biểu
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh lần thứ 21 được cấp ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo mã: EVE) kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, phân phối (bán buôn và bán lẻ) và xuất khẩu sản phẩm bông và chăn ga gối đệm và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đặt tại cụm dân cư Nội thương, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội và bảy chi nhánh tại Hưng Yên, Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 945 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.006 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 2 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2 công ty con), thông tin chi tiết như sau:

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty Cổ phần Everpia Korea	100%	100%	Số A408-Hyeondae Knowledge Industry Center, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc	Kinh doanh các nguyên vật liệu để sản xuất chăn ga trải giường, gối và nệm.
2	Quỹ đầu tư cơ hội Mirae Asset Việt Nam (“MAOF”)	80%	80%	Tầng 38, tòa Keangnam Landmark Hanoi, Khu E6, KĐT mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, Hà Nội	Đầu tư chứng khoán và quản lý đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 12.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu của công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm và bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 20 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	6 - 16 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định vô hình khác	4 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký giữa Công ty và các bên cho thuê. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Công ty

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Trợ cấp thôi việc phải trả cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại công ty con được tính theo tỷ lệ một tháng lương cho mỗi năm làm việc tại công ty con đến ngày kết thúc kỳ kế toán theo quy định của pháp luật nước sở tại.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- ▶ Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ các giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đạt hiệu quả cao nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm liên quan đến chăn, ga và đệm. Doanh thu và tài sản liên quan đến sản phẩm chăn, ga và đệm chiếm hơn 90% tổng doanh thu trong năm và tổng tài sản tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	109.017.370	145.032.099
Tiền gửi ngân hàng	31.247.476.440	18.760.220.031
Các khoản tương đương tiền	333.718.525	595.174.418
TỔNG CỘNG	31.690.212.335	19.500.426.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	279.412.269.509	279.412.269.509	294.944.369.509	294.944.369.509
Đầu tư khác	4.142.500.098	4.142.500.098	4.155.000.000	4.155.000.000
TỔNG CỘNG	283.554.769.607	283.554.769.607	299.099.369.509	299.099.369.509

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,1%/năm đến 6,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2,8%/năm đến 6,1%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty TP Inc.	6.399.360.043	323.817.830
Công ty TNHH Cradlewise Manufacturing Private	4.905.159.268	3.373.331.289
Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam	4.284.952.267	4.025.444.362
Các khách hàng khác	121.529.681.500	147.281.284.924
TỔNG CỘNG	137.119.153.078	155.003.878.405

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (17.633.995.756) (18.224.964.872)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Hexagon	952.084.349	-
Công ty TNHH Nantong Lianwei Textile	922.461.699	235.866.170
Công ty TNHH Nuri Flex Việt Nam	-	4.017.600.000
Các đối tượng khác	4.474.800.571	4.377.264.673
TỔNG CỘNG	6.349.346.619	8.630.730.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	11.452.992.617
Lãi tiền gửi	5.819.920.531	6.557.287.803
Tạm ứng cho nhân viên	1.996.078.991	1.361.543.211
Phải thu ngắn hạn khác	1.197.790.934	1.231.292.082
TỔNG CỘNG	20.466.783.073	20.603.115.713
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(11.452.992.617)	(11.452.992.617)
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.361.914.629	2.843.914.629
Phải thu khác	21.995.110	19.751.680
TỔNG CỘNG	3.383.909.739	2.863.666.309

8. NỢ XẤU

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Eady Tax	3.317.841.494	-	3.317.841.494	-
Phải thu các khách hàng khác	19.551.260.008	5.235.105.746	19.314.911.954	4.407.788.576
Tài sản thiếu chờ xử lý	11.452.992.617	-	11.452.992.617	-
TỔNG CỘNG	34.322.094.119	5.235.105.746	34.085.746.065	4.407.788.576

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	3.771.713.198	-	10.906.297.305	-
Nguyên liệu, vật liệu	144.264.987.250	(37.120.751.468)	147.311.084.270	(41.088.375.439)
Thành phẩm	160.580.734.992	(11.590.384.261)	146.625.391.892	(12.823.096.598)
Hàng hóa	1.291.920.213	-	2.527.803.300	-
TỔNG CỘNG	309.909.355.653	(48.711.135.729)	307.370.576.767	(53.911.472.037)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	53.911.472.037	32.112.845.468
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.171.588.725	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(9.371.925.033)	(1.383.202.944)
Số cuối kỳ	48.711.135.729	30.729.642.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	369.121.724.296	323.056.394.866	41.808.975.959	14.149.405.696	768.295.145.114
	- Mua trong kỳ	9.300.000.000	1.074.151.300	98.000.000	-	10.472.151.300
	- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.730.119.995)	-	-	(13.730.119.995)
	- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài	1.538.552.327	-	-	42.275.520	1.628.757.577
	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	379.960.276.623	310.400.426.171	41.906.975.959	14.191.681.216	20.206.574.027
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	26.678.392.925	222.864.015.859	17.140.381.715	11.425.507.671	15.706.090.127	293.814.388.297
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	106.195.125.119	288.976.419.856	26.815.593.960	13.378.551.026	18.949.798.956	454.315.488.917
- Khấu hao trong kỳ	8.153.265.113	4.657.574.858	1.557.098.183	257.312.384	346.122.487	14.971.373.025
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.536.568.300)	-	-	-	(13.536.568.300)
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài	129.083.096	-	-	38.109.418	21.016.877	188.209.391
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	114.477.473.328	280.097.426.414	28.372.692.143	13.673.972.828	19.316.938.320	455.938.503.033
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	262.926.599.177	34.079.975.010	14.993.381.999	770.854.670	1.208.845.341	313.979.656.197
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	265.482.803.295	30.302.999.757	13.534.283.816	517.708.388	889.635.707	310.727.430.963

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 242.616.101.432 VND đã được thế chấp làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND					
	Nhãn hiệu hàng hóa	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.566.385.000	7.831.500.000	8.595.727.189	1.343.629.609	42.337.241.798
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con ở nước ngoài	-	-	-	74.593.203	74.593.203
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	24.566.385.000	7.831.500.000	8.595.727.189	1.418.222.812	42.411.835.001
Trong đó:					
Đã hao mòn hết	24.566.385.000	7.831.500.000	6.866.430.149	1.283.747.787	40.548.062.936
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	24.566.385.000	7.831.500.000	7.896.282.341	686.893.687	40.981.061.028
- Hao mòn trong kỳ	-	-	113.244.300	-	113.244.300
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	24.566.385.000	7.831.500.000	8.009.526.641	686.893.687	41.094.305.328
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	-	699.444.848	656.735.922	1.356.180.770
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-	586.200.548	731.329.125	1.317.529.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.1)	11.590.390.000	(11.590.390.000)	11.590.390.000	(11.590.390.000)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 12.2)	10.533.200.000	(960.000.000)	9.966.200.000	(960.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 12.3)	56.098.833.934	-	55.620.254.734	-
TỔNG CỘNG	78.222.423.934	(12.550.390.000)	77.176.844.734	(12.550.390.000)

Cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có một công ty liên kết như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty	Quyền biểu quyết của Công ty
Công ty Cổ phần Texpia	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai	Sản xuất vải cotton, sợi và hàng dệt kim	44%	44%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Texpia đang trong quá trình giải thể.

12.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh	4.014.200.000	4.014.200.000
Công ty Cổ phần Hyojung Soft Tech	960.000.000	960.000.000
Công ty Kalon Investment Asset	5.559.000.000	4.992.000.000
TỔNG CỘNG	10.533.200.000	9.966.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (i)	29.120.254.734	29.120.254.734	(*)	29.120.254.734	29.120.254.734	(*)	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (ii)	16.978.579.200	16.978.579.200	16.978.579.200	16.500.000.000	16.500.000.000	16.524.806.100	
Trái phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh F88 (iii)	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)	10.000.000.000	10.000.000.000	(*)	
TỔNG CỘNG	56.098.833.934	56.098.833.934	16.978.579.200	55.620.254.734	55.620.254.734	16.524.806.100	

- (*) Trái phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thể trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.
- (i) Trái phiếu chưa niêm yết có kỳ hạn 5 năm, đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2027 và có lãi suất 10,7%/năm. Tiền lãi được trả định kỳ nửa năm một lần. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phiếu thường niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của Tập đoàn PC1.
- (ii) Trái phiếu niêm yết có tài sản đảm bảo, kỳ hạn 7 năm, đáo hạn ngày 28 tháng 2 năm 2029 và có lãi suất 8,65%/năm cho kỳ hiện tại. Tiền lãi được trả hàng năm.
- (iii) Trái phiếu không niêm yết với kỳ hạn 7 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 9 năm 2030 và có lãi suất 9,1%. Tiền lãi được trả hàng năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Tiền thuê mặt bằng	1.472.892.811	2.033.018.235
Khác	1.240.182.810	1.131.411.505
TỔNG CỘNG	2.713.075.621	3.164.429.740
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước (*)	110.897.929.407	112.647.990.776
Tiền thuê mặt bằng	7.248.524.188	8.568.104.906
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.160.219.262	7.016.501.686
Nội thất sử dụng	3.562.743.323	4.442.292.839
Chi phí cải tạo văn phòng	2.996.647.163	4.168.848.865
Khác	801.171.486	1.352.375.089
TỔNG CỘNG	131.667.234.829	138.196.114.161

(*) Phần lớn là tiền thuê đất trả trước cho nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền, tỉnh Đồng Nai và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH KTD Vina	2.645.474.882	2.645.474.882	536.893.497	536.893.497
Chi nhánh Công ty TNHH Quốc tế Vũ Gia tại Hà Nam	2.068.272.908	2.068.272.908	275.753.503	275.753.503
Các đối tượng khác	29.634.269.929	29.634.269.929	41.890.877.145	41.890.877.145
TỔNG CỘNG	34.348.017.719	34.348.017.719	42.703.524.145	42.703.524.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN
(tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn và Khu nghỉ dưỡng Lynn Times	2.135.838.000	-
Interlink S&S	1.645.004.873	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tổng hợp	-	3.402.892.800
Các đối tượng khác	9.345.563.300	13.496.016.683
TỔNG CỘNG	13.126.406.173	16.898.909.483

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Thuế giá trị gia tăng	1.550.378.419	9.312.649.552	(9.641.279.670)	1.221.748.301
Thuế nhập khẩu	-	592.751.175	(592.751.175)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.712.599	6.020.510.326	(6.344.812.067)	770.410.858
Các loại thuế khác	168.339.193	752.575.739	(907.704.687)	13.210.245
TỔNG CỘNG	2.813.430.211	16.678.486.792	(17.486.547.599)	2.005.369.404

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	114.441.094	147.715.939
Kinh phí công đoàn	438.399.261	201.311.392
Phải trả ngắn hạn khác	736.939.865	1.648.139.789
TỔNG CỘNG	1.289.780.220	1.997.167.120
Dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	21.915.353.961	20.626.298.034
Phải trả dài hạn khác	1.660.003.000	1.610.003.000
TỔNG CỘNG	23.575.356.961	22.236.301.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Phát sinh trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng						
(Thuyết minh số 17.1)	135.530.350.845	135.530.350.845	145.008.198.317	(145.070.663.341)	-	135.467.885.821
Vay dài hạn đến hạn trả						
(Thuyết minh số 17.2)	9.035.000.000	9.035.000.000	-	-	1.020.000.000	10.055.000.000
	144.565.350.845	144.565.350.845	145.008.198.317	(145.070.663.341)	1.020.000.000	145.522.885.821
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng						
(Thuyết minh số 17.2)	80.817.482.227	80.817.482.227	-	-	-	80.817.482.227
	80.817.482.227	80.817.482.227	-	-	-	80.817.482.227
TỔNG CỘNG	225.382.833.072	225.382.833.072	145.008.198.317	(145.070.663.341)	1.020.000.000	226.340.368.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17.	VAY (tiếp theo)				
17.1	Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn				
	Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	121.547.596.282	Vay ngắn hạn 179 ngày với thời hạn thanh toán gốc vay vào 26 tháng 12 năm 2025. Lãi vay được trả hằng tháng.	4,6% - 4,9%	Tài sản cố định, máy móc thiết bị của nhà máy Hưng Yên của Công ty.
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	13.920.289.539	Vay ngắn hạn 165 ngày với thời hạn thanh toán gốc vay vào 25 tháng 7 năm 2025. Lãi vay được trả hằng tháng.	4,0%	Tín chấp.
	TỔNG CỘNG	135.467.885.821			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	80.817.482.227	80.817.482.227 VND	Kỳ hạn 7 năm. Gốc vay đáo hạn từng phần từ tháng 11 năm 2027 đến tháng 11 năm 2029. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	7,1%	Quyền sử dụng đất và tài sản cố định liên quan hình thành từ khoản vay tại nhà máy Giang Điền, tỉnh Đồng Nai.
	10.055.000.000	500.000.000 KRW	Gốc vay đáo hạn vào tháng 3 năm 2026. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	4,4%	Văn phòng Công ty Everpia Korea tại số A408-Hyeondae knowledge Industry Center, số 3 Godeung Ro, Sujeong Gu, Seongnam Si, Gyeonggi Do, thành phố Seoul, Hàn Quốc.

TỔNG CỘNG

90.872.482.227

Trong đó:

Vay dài hạn đến

hạn trả

Vay dài hạn

10.055.000.000

80.817.482.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	419.797.730.000	184.195.877.847	5.057.441.212	(3.689.666.922)	383.538.969.799	11.070.963.584
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(8.263.248.604)	636.874.191
- Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	891.269.772	-	(891.269.772)	-
- Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(20.953.065.929)	-
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	7.124.273	(362.132.345)	-	-
- Giảm khác	-	-	(1.062.221.072)	-	-	(355.008.072)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	419.797.730.000	184.195.877.847	4.893.614.185	(4.051.799.267)	353.431.385.494	11.707.837.775
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	419.797.730.000	184.195.877.847	4.593.921.095	(3.728.916.371)	331.476.711.882	12.163.170.265
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.347.391.862	598.097.118
- Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	-	(20.968.579.424)	-
- Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con	-	-	-	1.897.787.945	-	-
- Giảm khác	-	-	(3.003.482.487)	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	419.797.730.000	184.195.877.847	1.590.438.608	(1.831.128.426)	322.855.524.320	12.761.267.383
						939.369.709.732

(*) Theo Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ2025/NQ ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty được thông qua chia cổ tức bằng tiền ở mức 5% mệnh giá (500 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847	184.195.877.847
TỔNG CỘNG	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847	603.993.607.847

18.3 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	20.968.579.424	20.953.065.929
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2025: 500 VND/cổ phiếu (2024: 500 VND/cổ phiếu)	20.968.579.424	20.953.065.929
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	41.979.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	41.979.773
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	41.979.773

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	300.959	278.432
- Euro (EUR)	2.088	16.449
- Won Hàn Quốc (KRW)	12.806.504	11.813.450

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu	332.949.738.728	337.077.719.015
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	332.949.738.728	337.077.719.015
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(898.993.444)	(567.858.195)
Doanh thu thuần	332.050.745.284	336.509.860.820

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.924.688.014	11.084.275.124
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.441.512.631	3.316.699.681
Cổ tức, lợi nhuận được chia	272.187.500	155.302.000
Doanh thu tài chính khác	-	620.609.323
TỔNG CỘNG	13.638.388.145	15.176.886.128

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng bán	211.199.788.135	221.648.319.592
TỔNG CỘNG	211.199.788.135	221.648.319.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền vay	6.120.863.276	6.016.824.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.159.433.113	2.297.645.707
Khác	151.671.514	25.000.185
TỔNG CỘNG	9.431.967.903	8.339.469.931

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	34.402.563.531	37.379.549.654
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.545.537.307	31.160.276.717
- Chi phí nguyên vật liệu	624.937.616	747.828.955
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	282.492.267	483.663.462
- Chi phí khác	11.165.065.484	11.097.915.965
TỔNG CỘNG	70.020.596.205	80.869.234.753
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân công	25.748.334.311	28.386.656.954
- Chi phí dự phòng	(94.225.332)	1.288.440.729
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.373.712.729	9.428.170.776
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	5.081.756.439	5.062.327.392
- Chi phí khác	3.933.524.221	4.809.298.166
TỔNG CỘNG	43.043.102.368	48.974.894.017

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.258.403.727	148.766.757.702
Chi phí nhân công	106.214.576.007	125.581.427.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.635.867.391	40.588.447.493
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	15.084.617.324	17.693.754.592
Chi phí khác	15.025.365.359	16.519.884.049
TỔNG CỘNG	338.218.829.808	349.150.271.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.992.623.636	707.390.367
Các khoản khác	123.057.363	497.291.292
TỔNG CỘNG	2.115.680.999	1.204.681.659

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty con là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Everpia Korea có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo quy định của nước sở tại bằng 9,9% thu nhập chịu thuế.

Quý MAOF không thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản chia lợi nhuận từ Quý MAOF sẽ bị khấu trừ thuế TNDN 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	977.238.259	308.312.090
TỔNG CỘNG	977.238.259	308.312.090

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	13.922.727.239	(7.318.062.323)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.784.545.448	(1.463.612.465)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	390.867.334	380.276.020
Điều chỉnh hợp nhất khác	(389.680.376)	(559.213.280)
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế chuyển kỳ sau	-	1.950.861.815
Sử dụng lỗ tính thuế chuyển từ năm trước sang	(1.808.494.147)	-
Thuế TNDN ước tính trong kỳ	977.238.259	308.312.090

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.003.304.976	10.121.498.799	(118.193.823)	164.475.885
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.042.115.474	7.321.305.289	(279.189.815)	(276.640.590)
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.816.880.165	2.816.880.165	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện từ hàng tồn kho	1.287.501.955	1.166.583.562	120.918.393	(385.415.691)
Chi phí khấu hao nhanh tài sản	-	675.196.220	(675.196.220)	-
Chi phí vượt quá thời gian phân bổ	431.978.595	396.592.099	35.386.496	35.386.491
	21.581.781.165	22.498.056.134	(916.274.969)	(462.193.905)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	(249.571.299)	(188.608.009)	(60.963.290)	153.881.815
	(249.571.299)	(188.608.009)	(60.963.290)	153.881.815
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	21.332.209.866	22.309.448.125		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(977.238.259)	(308.312.090)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Đơn vị tính: VND			
		Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2025
2024	2029	14.271.197.835	(9.042.470.735)	-	5.228.727.100
TỔNG CỘNG		14.271.197.835	(9.042.470.735)	-	5.228.727.100

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Doanh thu			
Doanh thu thuần về bán hàng			
bộ phận	262.951.690.657	69.099.054.627	332.050.745.284
Giá vốn hàng bán bộ phận	(160.158.388.692)	(51.041.399.443)	(211.199.788.135)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	102.793.301.965	18.057.655.184	120.850.957.149
Thu nhập, chi phí không phân bổ			(106.928.229.910)
Lợi nhuận thuần trước thuế			13.922.727.239
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(977.238.259)
Lợi nhuận thuần sau thuế			12.945.488.980
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025			
Tài sản bộ phận	101.427.502.138	18.057.655.184	119.485.157.322
Tài sản không phân bổ			1.141.816.145.652
Tổng tài sản			1.261.301.302.974
Nợ phải trả không phân bổ			321.931.593.242
Tổng nợ phải trả			321.931.593.242
Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024			
Doanh thu			
Doanh thu thuần về bán hàng			
bộ phận	253.229.362.759	83.280.498.061	336.509.860.820
Giá vốn hàng bán bộ phận	(158.078.332.537)	(63.569.987.055)	(221.648.319.592)
Kết quả			
Lợi nhuận gộp bộ phận	95.151.030.222	19.710.511.006	114.861.541.228
Thu nhập, chi phí không phân bổ			(122.179.603.551)
Lỗ thuần trước thuế			(7.318.062.323)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(308.312.090)
Lỗ thuần sau thuế			(7.626.374.413)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tài sản bộ phận	101.798.544.520	23.527.376.396	125.325.920.916
Tài sản không phân bổ			1.158.862.075.797
Tổng tài sản			1.284.187.996.713
Nợ phải trả không phân bổ			335.689.501.995
Tổng nợ phải trả			335.689.501.995

Thu nhập và chi phí không phân bổ bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác.

Toàn bộ công nợ, tài sản của Công ty ngoài các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng chung cho các bộ phận theo khu vực địa lý nên không thể phân bổ theo bộ phận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Ban Kiểm soát:

		Đơn vị tính: VND	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Hội đồng Quản trị/Ban Tổng Giám đốc			
Ông Cho Yong Hwan	Chủ tịch/ Phó Tổng Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.289.746.740	1.380.813.884
Ông Lee Jae Eun	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	2.599.025.601	2.896.291.136
Ông Yu Sung Dae	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	1.299.616.501	1.385.254.766
Ông Lê Khả Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập	43.200.000	43.200.000
Ông Yi Seung Mok	Thành viên HĐQT độc lập	43.200.000	14.400.000
Ban Kiểm soát			
Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	43.200.000	43.200.000
Ông Ko Tae Yeon	Thành viên	43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Đức Hưởng	Thành viên	43.200.000	43.200.000
		5.404.388.842	5.849.559.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.347.391.862	(8.263.248.604)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.979.773	41.979.773
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	294	(197)
Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	294	(197)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

30. CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động cho việc mặt bằng bán hàng và trưng bày sản phẩm được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	12.832.501.857	14.608.568.526
Từ 1 đến 5 năm	21.454.311.428	27.336.552.096
Trên 5 năm	4.715.692.451	4.894.769.379
TỔNG CỘNG	39.002.505.736	46.839.890.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2025

			
Người lập biểu Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Kế toán trưởng Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Yu Sung Dae	Tổng Giám đốc Lee Jae Eun



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn